|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Kiên Giang** | | **Biên bản họp tổng kết kiểm toán** |
| *Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022* | | |
|  | | |
| **Địa điểm:** | Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam  Chi nhánh Kiên Giang | |
|  |  | |
| **Thời gian:** | Ngày 25 tháng 11 năm 2022 | |
|  | | |
| **Thành phần**  **tham dự cuộc họp:** | *Đại diện Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam  Chi nhánh Kiên Giang*  Ông Đặng Ngọc Hải – Giám đốc Chi nhánh  Ông Nguyễn Đức Đông – Phó Giám đốc Chi nhánh  Bà Đỗ Thị Minh Út – Phó Giám đốc Chi nhánh  Bà Đinh Thùy Trang – Trưởng phòng Kế toán  Ông Trần Thanh Hùng – Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp  Ông Nhan Trường Phúc – Trưởng phòng Khác hàng Bán lẻ  Ông Trần Văn Thuận – Trưởng phòng Quản lý nợ  *Đại diện đoàn kiểm toán*  Ông Trần Nhật Duy – Trưởng đoàn Kiểm toán  Bà Trần Diệu Hồng Anh – Kiểm toán viên  Bà Vũ Lê Thùy Linh – Kiểm toán viên  Bà Nguyễn Diệu Linh – Kiểm toán viên | |

Là một phần trong kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) và các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS) cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, và kiểm toán hoạt động Hệ thống kiểm soát nội bộ theo yêu cầu của Thông tư 24/2021/TT-NHNN, đoàn kiểm toán đã làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang (“Chi nhánh”) trong thời gian từ ngày 21 tháng 11 năm 2022 đến ngày 25 tháng 11 năm 2022. Trong quá trình làm việc tại đơn vị, đoàn kiểm toán đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cán bộ, phòng ban tại Chi nhánh.

Trong quá trình kiểm toán, nhìn chung, đoàn kiểm toán nhận thấy Chi nhánh đã thực hiện tốt công tác kế toán, công tác Phân loại nợ và trích lập dự phòng tại thời điểm 31 tháng 10 năm 2022 cũng như các công tác liên quan đến tuân thủ hoạt động. Tuy nhiên, đoàn kiểm toán cũng xin được lưu ý một số vấn đề dưới đây.

1. **Các vấn đề liên quan đến hoạt động tín dụng**

Trong quá trình làm việc tại Chi nhánh, đoàn kiểm toán đã xem xét hồ sơ tín dụng của 37 khách hàng vay chọn mẫu có tổng dư nợ trên 20 tỷ VNĐ và 03 khách hàng có dư nợ dưới 20 tỷ có phân loại nhóm nợ từ nhóm 2 tới nhóm 5 (Ông Trần Văn An – CIF 6207130 – nhóm 2; Công ty TNHH TK-XD Khương Anh – CIF 3756506 – nhóm 4 và Bà Phạm Thị Diễm Tuyết – CIF 5282831 – nhóm 5) tại ngày 31 tháng 10 năm 2022, chúng tôi đã xem xét và đánh giá thực tế những khía cạnh sau:

* Tình hình tài chính, phi tài chính của khách hàng vay;
* Tình hình thanh toán nợ gốc và lãi của khách hàng;
* Hồ sơ tài sản bảo đảm (“TSBĐ”) của khách hàng;
* Xem xét việc tuân thủ của chi nhánh đối với các quy trình cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và của Ngân hàng Nhà nước;
* Các tiêu chí khác.

**Danh sách các khách hàng vay được xem xét** được trình bày trong **Phụ lục 1**, **Danh sách các khoản vay đề nghị điều chỉnh TSBĐ** được trình bày trong **Phụ lục 2** và **Danh sách các khoản vay đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu** được trình bày trong **Phụ lục 3**. Tuy nhiên, do việc chấm điểm và phân loại nợ và trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 10 năm 2022 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Chi nhánh cần phải được tích hợp vào Hệ thống Xếp hạng Tín dụng nội bộ tại Hội sở chính, theo đó Công ty Kiểm toán sẽ chính thức gửi kết quả rà soát danh mục tín dụng cho Chi nhánh trước ngày 15 tháng 2 năm 2023 và đây sẽ là số liệu chính thức trong báo cáo tài chính của Ngân hàng.

**1. Liên quan đến Tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp**

Qua việc kiểm tra 29 hồ sơ liên quan đến các doanh nghiệp, đoàn kiểm toán chúng tôi nhận thấy:

**Công ty Cổ phần Hòa Giang Phú Quốc** có một số vấn đề như sau:

Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 1701971410, đăng ký lần đầu vào ngày 09 tháng 09 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 06 tháng 09 năm 2022.

* Tình hình tài chính, phi tài chính của khách hàng vay;

- Công ty chưa cung cấp được báo cáo tài chính trong hai năm liên tiếp là năm 2020 và năm 2021. Theo báo cáo tài chính mà Đơn vị cung cấp cho kiểm toán viên chúng tôi:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **2019**  **(đã kiểm toán)** | **2021**  **(chưa kiểm toán)** | **‘09/2022**  **(chưa kiểm toán)** |
| Tổng Tài Sản | 496 | 562 | 580 |
| *Trong đó: Chi phí xây dựng cở bản dở dang* | *393* | *490* | *508* |
| Nợ Phải Trả | 365 | 328 | 347 |
| Vốn Chủ Sở Hữu | 131 | 234 | 233 |
| Doanh thu | 4,4 | 0 | 0 |
| Lỗ kế toán | (6,7) | (0) | (0) |

=> Các báo cáo tài chính mà doanh nghiệp cung cấp không đáng tín cậy

- Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 0125/16/BD01/PQ ký ngày 30 tháng 8 năm 2016 với ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang, với hạn mức là 276.300.000.000 VND và hợp đồng tài sản thế chấp số 0006B/16/VCB-HGPQ ký ngày 30/08/2016 và 0007B/16/VCB-HGPQ ký ngày 30/08/2022. Múc đích vay để đầu tư dự án “Khu Resort Hòa Bình”. Qua phỏng vấn, dự án đến giờ vẫn chưa hoàn thành, dẫn đến Công ty không có doanh thu hay nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh. Các chi nhánh liên quan đến hợp đồng tín dụng trên:

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi nhánh** | **Giá trị giải ngân** |
| 009 - KIÊN GIANG (đầu mối) | 102.143.400.000 VND |
| 026 – THỦ THIÊM | 102.143.400.000 VND |
| 101 - PHÚ QUỐC | 24.913.200.000 VND |

- Công ty vẫn thanh toán đủ gốc lãi trong thời hạn quy định.Nguồn tiền từ các Cổ đông chuyển vào tài khoản thanh toán để duy trì việc trả nợ gốc lãi.

* Hồ sơ tài sản bảo đảm (“TSBĐ”) của khách hàng:

- TSĐB là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của khu dự án “Khu resort Hòa Bình”. Biên bản định giá tại ngày 08/11/2021. Giá trị ghi trên hồ sơ định giá:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tài sản đảm bảo** | **Giá trị** | **Phương pháp định giá** |
| BDS CD881839 DAT (0008927960/0125)  DUONG BAO, DUONG TO, PQ. DT:7.508,1M2 | 143.029.000.000 | Phương pháp so sánh |
| BDS CD881838 DAT (0008927960/0125)  DUONG BAO, DUONG TO, PQ. DT:18.545,6M2 | 353.293.000.000 | Phương pháp so sánh |
| BDS HTTTL GPXD:27/GPXD (0008927960/0125) DUONG BAO, DUONG TO, PQ. DT:18.545,6M2 | 623.583.000.000 | Theo giá  dự toán |

* Chấm điểm xếp dụng tính dụng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Bộ tiêu chí** | **Đánh giá** |
| - Bộ chỉ tiêu CR của khách hàng | Khách hàng DN mới thành lập |
| 1.1. Khả năng tổ chức thực hiện và giám sát dự án/hd sxkd | Doanh nghiệp có bộ phận chuyên trách kiểm soát chi phí dự án, lịch trình thực hiện dự án, chất lượng dự án. Bộ phận này hoạt động độc lập hoặc là tư vấn bên ngoài, có báo cáo thường xuyên về kiểm soát dự án và hoạt động hiệu quả |
| 1.2. Năng lực, trình độ, kinh nghiệm của cổ đông/thành viên góp vốn vào doanh nghiệp liên quan đến dự án kinh doanh | Bình thường |
| 1.3. Mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp trong giai đoạn từ 1 đến 3 năm tới | Có mục tiêu và kế hoạch kinh doanh, tuy nhiên tính khả thi trong 1 số trường hợp còn hạn chế |
| 1.4. Mức độ nghiên cứu khảo sát thị trường về sản phẩm đầu ra của phương án kinh doanh theo đánh giá của CBTD | Đã nghiên cứu và lượng hóa được phần lớn các thông tin về giá cả, chủng loại, sản phẩm cùng loại trên thị trường và thị hiếu, nhu cầu của người tiêu dùng. |
| 1.5. Mức độ quan tâm của DN cho xây dựng thương hiệu và mạng lưới phân phối theo đánh giá của CBTD | Quan tâm nhưng không có kế hoạch cụ thể |
| 1.6. Đánh giá về công tác xử lý chất thải và giảm thiểu mức độ ô nhiễm môi trường của doanh nghiệp | Đạt tiêu chuẩn hoặc DN không bị chi phối bởi chi tiêu này do đặc thù hoạt động của DN |
| 1.7. Đánh giá về công tác Phòng cháy chữa cháy, an ninh, an toàn lao động và an toàn vệ sinh thực phẩm | Đạt tiêu chuẩn |
| 1.8. Mức độ bảo hiểm tài sản.Đánh giá trên: Tổng số tiền bảo hiểm từ các HĐBH/ (Giá trị tài sản cố định + Hàng tồn kho) của doanh nghiệp (%). | > =70% |
| 1.9. Tính hợp lý của các khoản chi tiêu của doanh nghiệp | Chi tiêu có khoản không hợp lý hoặc vượt trên 10% kế hoạch |

**2. Liên quan đến Tín dụng cho Khách hàng cá nhân**

Qua việc kiểm tra 10 hồ sơ liên quan đến các cá nhân, đoàn kiểm toán chúng tôi nhận thấy một số vấn đề liên quan đến kiểm soát nội bộ như sau:

Liên quan đến hồ sơ của hai khoản tín dụng liên quan đến hai khách hàng là Ông Trần Văn An – CIF 6207130 – nhóm 2 và Bà Phạm Thị Diễm Tuyết – CIF 5282831 – nhóm 5:

Các khoản tín dụng trên đều được cấp cho mục đích mua bán, nhà dự án, mua đất, bù đắp thành toán mua bất động sản

Liên quan đến 8 bộ hồ sơ còn lại, chúng tôi nhận thấy:

* Chi nhánh không xuất được dữ liệu lịch sử chấm điểm xếp hạng rủi ro tín dụng (CR Rank) cho cả 8 khách hàng cá nhân trước khi trình hồ sơ cấp tin dụng tại thời điểm kiểm tra.
* Các hồ sơ tín dụng còn sơ sài, mua hàng hóa số lượng lớn với giá trị cao, nhưng không có hợp động kinh doanh kèm theo, chứng từ thanh toán, tách nhỏ các lần giải ngân trong một thời gian ngắn, nhưng cùng một đối tượng có tài khoản tại Vietcombank – CN Ki đối với các hợp đồng ngắn hạn bổ sung vốn lưu động.
* Tại các hồ sơ đơn vị cung cấp, phiếu “Ủy nhiệm chi” tại vị trị Giám đốc chưa được người có thẩm quyền ký.
* Các khách hàng thường tồn tại hai loại hợp đồng:

(i) hợp đồng tín dụng ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh;

(ii) hợp đồng thanh toán tiền mua nhà dự án, mua đất, bù đắp thanh toán mua bất động sản;

Danh sách kèm theo: Xem phụ lục 1 – Danh sách khách hàng cá nhân

“Theo quyết định số 2507/QĐ-VCB-QLRRTD ngày 28/12/2018 về quy trình tín dụng với khách hàng cá nhân:

Điều 5.3 – Thẩm định và lập báo cáo thẩm định cấp tín dụng:

Đoạn 5.3.1.2: căn cứ các thông tin thu thập được và quy định tín dụng hiện hành, CBTD KHCN/CBTĐ PGD **chấm điểm xếp hạng tín dụng khách hàng trên hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ của VCB** (nếu có) và thẩm định đề xuất tín dụng của khách hàng. …

Điều 10 – Giản ngân vốn vay:

Đoạn 10.1.1. CBTD KHCN/CNTD PGD tiếp nhận hồ sơ rút vốn của khách hàng. Hồ sơ rút vốn **tối thiểu** gồm:

a) 03 Giấy nhận nợ có chữ ký hợp lệ của khách hàng (theo mẫu của VCB)

b) Giấy tờ chứng minh mục đích sự dụng vốn vay liên quan đến lần giải ngân là:

(i*) một hoặc một số giấy tờ sau gồm hợp đồng kinh tế, đề nghị thanh toán, tài liệu khác;*

*(ii) hóa đơn và/hoặc chứng từ thanh toán (bản gốc trừ trường hợp hóa đơn điện tử);*

*(iii) Ủy nhiệm chi/giấy rút tiền mặt/lệnh chuyển tiền hoặc chứng từ tương đương.”*



1. **Các vấn đề khác**

Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có thể có một số thông tin và tài liệu phát sinh cần Chi nhánh cung cấp thêm, đoàn kiểm toán rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hợp tác từ Chi nhánh.

Các tài liệu đính kèm theo biên bản này bao gồm:

* Phụ lục 1: Danh sách các khách hàng vay được xem xét
* Phụ lục 2: Danh sách các khoản vay đề nghị điều chỉnh TSBĐ
* Phụ lục 3: Danh sách các khoản vay đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu

Biên bản cuộc họp được lập thành năm (05) bản, một (01) bản sẽ được lưu tại Chi nhánh, ba (03) bản sẽ gửi cho Hội Sở Chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và một (01) bản gửi cho Công ty Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam.

Một lần nữa, đoàn kiểm toán xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Ban Giám đốc Chi nhánh trong quá trình làm việc tại đơn vị.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Đại diện Chi nhánh Kiên Giang** |  | **Đại diện Công ty Kiểm toán** | |
|  |  |  |  |
| Họ tên  Chức vụ |  | Họ tên: Trần Nhật Duy  Chức vụ: Trưởng đoàn Kiểm toán | |
| Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam |  | Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam | |

**PHỤ LỤC 1: Danh sách khách hàng cá nhân**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CIF** | **Tên KH** | **Tổng dư nợ** | **Dư nợ ngắn hạn** | **Dư nợ dài hạn** | **Mục đích vay ngắn hạn** | **Mục đích vay dài hạn** | **Note** |
| 436661 | TRAN THO THANG | 32.545.874.492 | 0 | 32.347.622.561 | Ko phát sinh | Thanh toán tiền mua nhà dự án |  |
| 689960 | NGUYEN THI NGOC MAI | 36.420.800.210 | 10.000.000.000 | 26.325.000.000 | Bổ sung vốn kinh doanh phụ liệu ngành tóc, móng tay móng chân và bán yến | Thanh toán tiền mua nhà và đất | Thiếu hợp đồng kinh tế, chỉ có Bảng kê thu mua hàng hóa, nhiều lần giải ngân trong cùng một tháng |
| 2127272 | DOAN PHU THINH | 20.025.000.000 | 0 | 20.025.000.000 | Ko phát sinh | Cho vay bù đắp tiền mua đất ở |  |
| 5235482 | NGUYEN THI PHUONG | 24.066.000.000 | 0 | 24.066.000.000 | Ko phát sinh | Thanh toán tiền mua nhà đất |  |
| 5589287 | NGUYEN THI THANH THAO | 24.624.900.000 | 7.200.000.000 | 17.424.900.000 | Bổ sung vốn lưu động kinh doanh trang trí nội thất văn phòng nội thật gia đình | Bù đắp thanh toán tiền mua nhà |  |
| 6794185 | MONG XUAN HOA | 20.200.000.000 | 7.000.000.000 | 13.200.000.000 | Bổ sung vốn mua bán hải sản | Mua đất ở |  |
| 6849503 | NGUYEN XUAN LAN | 27.326.800.000 | 10.000.000.000 | 17.326.800.000 | Bổ sung vốn kinh doanh yến | Mua đất, mua nhà, hoàn thiện nhà |  |
| 8710154 | MAI XUAN SON | 27.549.307.585 | 1.000.000.000 | 26.499.110.040 | Thanh toán chị phí hợp lý và hợp lệ bổ sung vốn kinh doanh gia công nhôm, sắt, inox | Xây dựng nhà ở (Bù đắp và thanh toán theo tiến độ) | Suy giảm khả năng trả nợ do có phát sinh quá hạn gốc trên 10 ngày (lịch: 1/2/2022 - thực trả đủ: 11/2/2022), trả gốc chậm (lịch: 1/11/2022 - thực trả đủ 9/11/2022 |